

Số: 06/2024/QĐST-
HNGĐ

Sìn Hồ, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L - Sinh năm; 1987

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 58, 59; 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a,d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trung T và chị Đoàn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đoàn Thị L và Anh Nguyễn Trung T thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 06, Quyền số: 01, ngày 11/5/2015, của UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu.

- **Về con chung:** Chị Đoàn Thị L và anh Nguyễn Trung T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đoàn Bảo N, sinh ngày 23/10/2015 và cháu Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 10/7/2019. Chị Đoàn Thị L và A Nguyễn Trung T thỏa thuận, thống nhất giao 02 con chung là Nguyễn Đoàn Bảo N, sinh ngày 23/10/2015 và Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 10/7/2019 cho chị Đoàn Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trung T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị Đoàn Thị L và anh Nguyễn Trung T tự thỏa thuận, thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Về tài sản chung:** chị Đoàn Thị L và anh Nguyễn Trung T có 01 thửa đất, có vị trí tại đường A, thuộc khu C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; có diện tích 108 m² (có giấy chuyển nhượng đất viết tay diện tích đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có trị giá khoảng 300.000.000 đồng (*đất này có nguồn gốc là mua của ông Tân Min H và V là Tân Mỹ S tại khu phố C thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu mua vào năm 2017, hiện tại chưa có giấy tờ gì*) và 01 căn nhà cấp 4, tại thửa đất số 39; tờ bản đồ số: 37; loại đất: đất ở tại đô thị; diện tích 98,2m² có địa chỉ là số nhà G, phố B, thuộc khu phố C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, có giá trị khoảng 700.000.000 đồng (*nhà ở chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà*).

Công nhận sự thoả thuận giữa anh Nguyễn Trung T và chị Đoàn Thị L theo biên bản thỏa thuận lập ngày 20/11/2024 và biên bản thỏa thuận ngày 25/11/2024 cụ thể như sau: Sau khi ly hôn giao cho anh Nguyễn Trung T là người sở hữu, có quyền định đoạt đối với thửa đất có diện tích 108 m², có vị trí tại đường A, thuộc khu C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, giá trị khoảng 300.000.000 đồng (*đất này có nguồn gốc là Anh Nguyễn Trung T và chị Đoàn Thị L mua của ông Tân Min H và V là Tân Mỹ S, tại khu phố C thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu mua vào năm 2017, hiện tại chưa có giấy tờ, chỉ có giấy chuyển nhượng đất viết tay giữa hai bên*); Giao cho chị Đoàn Thị L là người sở hữu, định đoạt đối với 01 căn nhà cấp 4, tại thửa đất số 39; tờ bản đồ số: 37; loại đất: đất ở tại đô thị; diện tích 98,2m² có địa chỉ là số nhà G, phố B, thuộc khu phố C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu, cả nhà và đất có giá trị khoảng 700.000.000 đồng (*đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở*).

- **Về khoản nợ chung:** Chị Đoàn Thị L và anh Nguyễn Trung T tự thỏa thuận, thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Về án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch: Anh Nguyễn Trung T và chị Đoàn Thị L phải chịu 50% án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm, tương đương với số tiền 150.000 đồng. Anh T và chị L thỏa thuận, nhất trí, chị Đoàn Thị

L là người chịu toàn bộ án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Do đó, chị L phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Được đối trừ với số tiền 21.000.000 đồng tạm ứng án phí chị Đoàn Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ; Ký hiệu: BLTU/23; Số 0000624, ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Đoàn Thị L và anh Nguyễn Trung T đã tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng và đề nghị Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải. Do vậy, chị Đoàn Thị L và anh Nguyễn Trung T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

Trả lại cho chị Đoàn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.850.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, ký hiệu BLTU/23; Số: 0000624, ngày 21/6/2024, tại chi Cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Thi hành án dân sự
- UBND thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Mạnh Trang